

Số: 3158/QĐ-HĐTS

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Danh sách trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-HV ngày 21/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2816/QĐ-HV ngày 28/11/2025 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ biên bản họp ngày 18/12/2025 của Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2.2025;
Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Danh sách trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông gồm 123 thí sinh. Trong đó:

Cơ sở Phía Bắc: 111 thí sinh

- | | |
|-------------------------------------|--|
| - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: | 20 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử: | 04 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Hệ thống thông tin: | 48 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Khoa học máy tính: | 28 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: | 11 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |

Cơ sở Phía Nam: 12 thí sinh

- | | |
|-------------------------------------|--|
| - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: | 02 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Hệ thống thông tin: | 10 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |

Điều 2. Phó Giám đốc phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Tài chính kế toán, Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mm*

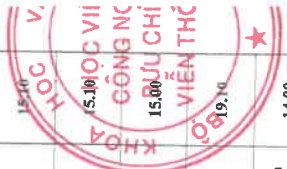
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT; HĐTS(6).


PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 3438/QĐ-HV ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN					
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật thông tin quang	Môn khác tương đương							
1	Nguyễn Bá	Anh	Nam	27/05/1998	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	2020	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		8.10							8.00						16.10
2	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	Nam	28/08/1997	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2020	Trung bình			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	11/11/2025		7.90								7.40					15.30
3	Trương Tiến	Anh	Nam	16/09/2001	Đại học Giao thông vận tải	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7.30								8.10					15.40	
4	Lê Xuân	Anh	Nam	11/09/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024									6.30					14.80	
5	Đình Tuấn	Anh	Nam	02/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	14/04/2025		8.10							8.40					16.50	
6	Đậu Thành	Công	Nam	10/06/1993	ĐH Giao thông Vận tải Hà Nội	CQ	Kỹ thuật điện, điện tử	2022	Giỏi	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025														15.10	
7	Dương Mạnh	Cường	Nam	19/02/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024									6.40					15.10	
8	Trần Đức	Đạt	Nam	19/11/1996	Trường Sĩ quan thông tin	CQ	Chỉ huy tham mưu thông tin	2018	TB Khá	x		Aptis ESOL B1	British Council	16/12/2024		8.00												15.10	
9	Nguyễn Đăng	Đức	Nam	28/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025														15.00	
10	Phạm Văn	Hình	Nam	18/01/1987	Học viện CNBCVT	Từ xa	Điện tử viễn thông	2014	TB Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		9.00							5.00			Mạng Viễn thông		14.00	
11	Phan Đức	Huy	Nam	09/02/2001	Đại học Công nghệ-ĐH Quốc Gia HN	CQ	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	2024	Trung bình			Aptis ESOL B1	British Council	16/04/2024		4.20							8.00			Truyền thông vô tuyến		12.20	
12	Hà Duy	Khánh	Nam	21/06/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025									7.10					13.70	
13	Nguyễn Hoài	Linh	Nam	21/10/1987	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Điện tử viễn thông	2010	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	30/11/2025														17.00	
14	Phạm Hoàng	Linh	Nam	15/08/1999	Học viện CNBCVT	CQ	CNKT Điện-Điện tử	2022	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	29/07/2025	7.30								7.80					15.10	
15	Tạ Nhật	Minh	Nam	22/12/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		9.20							7.40					16.60	
16	Lê Phương	Nam	Nam	26/08/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Khá			Aptis ESOL B1	British Council	10/12/2023	8.30								7.40					15.70	
17	Vũ Ngọc Phương	Nam	Nam	30/08/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Trung bình			B1 Aptis ESOL	British Council	18/03/2025									5.90					12.80	



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-HV ngày 06 tháng 1 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN		
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS tiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật thông tin quang		Môn khác tương đương	
18	Ngô	Thành	Quân	Nam	12/05/1993	ĐH Giao thông Vận tải	CQ	Kỹ thuật điện tử truyền thông	2021	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025			6.90		9.30			Mạng Viễn thông	16.20
19	Trần	Minh	Quân	Nam	03/10/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	7.80				5.70				13.50
20	Phạm	Đình	Toại	Nam	01/03/1992	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia HN	CQ	Công nghệ Điện tử Viễn thông	2014	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		5.95					8.20		14.15

Danh sách số: 20.441.2025

Danh sách gồm: 20 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 458/QĐ-HV ngày 19 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐỂM 2 MÔN
				Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS tiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Xử lý nói	Hệ thống nhúng	Thiết kế logic số	Môn khác tương đương	
1	Phan Đình Bắc	Nam	07/11/1991	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện, Điện tử	2014	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QP số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	9,00				8,00		17,00
2	Đặng Thành Chung	Nam	14/12/1994	ĐH Bách Khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	2017	Trung bình	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QP số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7,45				4,45	TK hệ thống số	11,90
3	Trương Thị Huyền	Nữ	01/04/2002	Đại học Công nghệ-ĐH Quốc Gia HN	CQ	Kỹ thuật robot	2025	Khá	x		Aptis ESOL B1	British Council	10/01/2025		4,40			8,80		13,20
4	Tô Đức Thắng	Nam	15/07/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện-Điện tử	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024	7,80				8,30		16,10

Danh sách gồm: 04 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Ngọc



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 458/QĐ-HV ngày 15 tháng 04 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH		ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN					
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp		BS kiến thức	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cần trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống tin	Công nghệ phần mềm		Môn khác tương đương				
1	Nguyễn Đức	Anh	Nam	03/10/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	TB Khá		IELTS 6.0	British Council	23/08/2025		7.60					8.80							16.40
2	Nguyễn Thuý	Anh	Nữ	05/11/2002	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá		IELTS 7.0	IDP Việt nam	28/12/2023		7.80				7.70								15.50
3	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	01/09/2003	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc		B1 Aptis ESOL	British Council	24/11/2025		9.50								9.00				18.50
4	Trần Hồng	Ánh	Nữ	09/09/2003	Đại học Công nghệ Đông Á	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.30						8.60							16.90
5	Phạm Đức Lâm	Bách	Nam	18/01/1997	Đại học Thăng Long	CQ	Hệ thống thông tin	2024	Xuất sắc		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		8.00							10.00					18.00
6	Uông Văn	Công	Nam	28/03/1995	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Khá		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	9.20								7.30					16.50
7	Nguyễn Ngọc	Chung	Nam	16/10/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Giỏi	x		Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	8.70								9.30					18.00
8	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	22/11/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		8.30					9.40							17.70
9	Trịnh Đình	Đại	Nam	23/06/2002	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi		B1 Aptis ESOL	British Council	24/11/2025		8.70							9.40					18.10
10	Nguyễn Công	Đạt	Nam	07/03/2002	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Toán Tin	2024	Khá	x	Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.95						8.80							16.55
11	Lê Thiện	Đức	Nam	26/02/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi		B1 Aptis ESOL	British Council	13/05/2025		9.40					8.60							15.40
12	Lê Quang	Đức	Nam	24/11/2002	Đại học Công nghệ-ĐH Quốc Gia HN	CQ	CNKT Điện tử viễn thông	2024	Khá	x	Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	6.80						8.80							15.30
13	Kim Anh	Dũng	Nam	23/10/1995	Học viện CNBCVT	CQ	KT Điện tử truyền thông	2018	Khá	x	Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Ngoại thương	20/11/2025	7.00						8.60							15.80
14	Trần Quang Đức	Dũng	Nam	10/02/2002	Đại học Thủy Lợi	CQ	Hệ thống thông tin	2025	Khá		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		7.50					7.80							18.30
15	Trần Đình	Dũng	Nam	06/12/2001	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	2025	Trung bình	x	Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7.00						8.80							17.60
16	Đinh Hải	Dương	Nam	18/11/2003	Đại học Thủy Lợi	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Bách khoa Hà Nội	02/01/2025	9.70					8.60								16.30
17	Hoàng Thị Thuý	Giang	Nữ	24/09/2000	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		8.40				9.20								17.90
18	Trần Văn	Hành	Nam	24/07/2002	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà nội	CQ	Máy tính và khoa học thông tin	2024	Giỏi		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Sư phạm Hà Nội	12/11/2025	7.50					8.80								15.80
19	Nguyễn Mai	Hạnh	Nữ	16/08/2001	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2023	Giỏi	x (Đợt 1.2025)	TOEIC 4 kỹ năng	ETS	2025	8.90					9.00								17.90
20	Trương Tuấn	Hiệp	Nam	07/06/2001	Đại học Thăng Long	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7.00								8.80					16.10
21	Phạm Minh	Hiếu	Nữ	10/08/2001	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		8.10					8.00							16.40
22	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	06/11/1996	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Giỏi		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.95					7.45								19.00
23	Nguyễn Thế Huy	Hoàng	Nam	26/11/2002	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc		B2 Aptis ESOL	British Council	16/11/2025		9.50												16.60
24	Vũ Quốc	Hùng	Nam	30/11/2002	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi		B1 Aptis ESOL	British Council	17/09/2025	7.70								8.90					16.80
25	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	07/12/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2025	Khá	x		Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		8.30					8.50							16.80



TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC							ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương			
26	Trần Duy	Khánh	Nam	29/05/2003	Đại học Công nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc			TOEIC 4 kỹ năng	ETS	05/07/2024	9.10				9.40				18.50		
27	Vũ Trung	Kiến	Nam	31/01/1998	Đại học Sao đỏ	CQ	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	2020	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	12/09/2025	7.00				8.60				15.60		
28	Nguyễn Thuý	Linh	Nữ	19/08/1997	Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	9.20				7.80				17.00		
29	Bùi Giang	Linh	Nữ	16/10/2002	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2024	Giỏi	x		Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Bách khoa Hà Nội	06/08/2024		8.90		Cơ sở toán học cho tin học	8.70				17.60		
30	Nguyễn Huy	Long	Nam	12/02/2000	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	9.00					8.90			17.90		
31	Đỗ Đức	Long	Nam	08/10/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		8.10			9.50				17.60		
32	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	12/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	12/09/2025			8.50				8.70		17.20		
33	Vũ Hải	Nam	Nam	19/11/2000	Đại học Greenwich Vương Quốc Anh	CQ	Công nghệ thông tin	2023				IELTS 6.0	British Council	16/06/2025	7.00			8.50					15.50		
34	Hà Phương	Nguyễn	Nam	15/03/2001	ĐH Xây dựng Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.00						7.45		15.45		
35	Phí Đức Nguyễn	Phương	Nam	16/03/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2024	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024	8.80			7.50					16.30		
36	Đặng Anh	Quân	Nam	08/11/1999	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		8.60		6.70					15.30		
37	Đỗ Anh	Quang	Nam	19/09/1985	ĐH Công nghệ thông tin - Đại học Quốc Gia Tp HCM	Từ xa	Công nghệ thông tin	2013	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7.00			8.90					15.90		
38	Đào Văn	Tâm	Nam	01/04/1995	Đại học Mỏ Hà nội	CQ	Công nghệ thông tin	2017	Khá			IELTS 5.5	British Council	16/11/2025	7.60					8.30			15.90		
39	Trần Thị	Thảo	Nữ	10/02/1991	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2014	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		7.80				7.70			15.50		
40	Phạm Văn	Thọ	Nam	26/04/2002	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025						7.00			15.30		
41	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	11/07/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024	9.10			7.80					16.90		
42	Đặng Thuý	Trang	Nữ	19/10/2002	Đại học Mỏ Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	20/05/2025	7.45					9.50			16.95		
43	Lâm Thành	Trung	Nam	02/10/2000	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	9.70					9.10			18.80		
44	Lê Đức	Trung	Nam	20/06/1989	Học viện CNBCVT	LTCQ	Công nghệ thông tin	2013	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		7.00		9.00					16.00		
45	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	21/05/2001	Học viện CNBCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024									16.00		
46	Lê Thiện	Vân	Nam	18/02/1999	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2021	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	13/05/2025	8.30				8.40				15.80		
47	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	30/06/2001	Đại học Mỏ Hà nội	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2023	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	7.00								16.70		
48	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	20/05/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024	8.20			7.10					15.30		

Đanh sách gồm: 48 thí sinh

Danh sách gồm: 48 thí sinh

Người lập biên

Đinh Thị Bích Hạnh



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHẢI BẮC
(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-HV ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN (và điểm ưu tiên nếu có)	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương			
1	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	05/12/2000	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	12/09/2025	8.70							8.70			17.40
2	Đặng Huy	Cánh	Nam	14/07/1998	ĐH Mã Địa chất HN	CQ	Công nghệ phần mềm	2021	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025			9.25	KTL/THĐT trên C++				8.20			17.45
3	Giang Thành	Công	Nam	08/08/2003	Đại học Thủy Lợi	CQ	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	2025	Khá			5.5 IELTS	IDP Việt Nam	04/08/2025		8.80									17.90
4	Dương Đức	Duy	Nam	23/11/1999	Đại học Xây dựng Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/09/2025		9.25									18.50
5	Đặng Minh	Hiếu	Nam	15/10/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.10									17.40
6	Nguyễn Trung	Hiệu	Nam	26/10/2003	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Chương trình đại học học bằng tiếng Anh	Đại học Hà Nội	2025		7.70									17.00
7	Nguyễn Quang	Hoàn	Nam	08/12/2002	Đại học Công nghệ -Đại học Quốc Gia Hà Nội	CQ	Kỹ thuật máy tính	2025	Giỏi	x (Miễn 6 môn)		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	9.40										18.10
8	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	18/01/1999	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	3/2023	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025		8.80									17.40
9	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	23/02/1997	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	29/08/2025			9.75	KT lập trình							17.95
10	Trần Khánh	Hưng	Nam	08/10/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024	9.40										18.20
11	Lê Nhật	Huy	Nam	28/09/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024			10.00								19.50
12	Nguyễn Cảnh	Huỳnh	Nam	04/03/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	9.70										17.90
13	Dương Công	Kiến	Nam	09/08/2003	Đại học Công nghệ Đông Á	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.30										17.40
14	Hoàng Văn	Kiến	Nam	26/09/2002	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	09/11/2025	8.95										17.90
15	Lê Văn	Mạnh	Nam	12/02/1993	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	11/11/2025	8.20										17.15
16	Đỗ Nhật	Minh	Nam	16/06/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2024		7.60									17.00
17	Nguyễn Quốc	Nam	Nam	18/12/1999	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.40										17.10
18	Bùi Hoàng	Nam	Nam	21/09/2001	Đại học Công nghệ Đại học Quốc Gia HN	CQ	Hệ thống thông tin	2023	Khá			Bậc 4 Tiếng Anh	ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội	29/10/2025		7.90									17.10
19	Đào Hoàng	Ngân	Nữ	07/06/1999	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			IELTS 7.0	British Council	22/04/2025		9.30									17.60

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 243/QĐ-HV ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN (và điểm ưu tiên nếu có)
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống tin	Công nghệ phần mềm	
20	Nguyễn Minh	Quang	Nam	14/04/2003	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2025	Xuất sắc			Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	17/02/2025	9.75				9.75			19.50
21	Trần Đức	Quang	Nam	24/08/2000	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi			C1 Aptis ESOL	British Council	18/10/2025			9.00		8.60			17.60
22	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	Nữ	21/07/2002	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	9.10				8.40			17.50
23	Vũ Nhật	Tân	Nam	01/01/2002	Đại học Công nghệ, Đại học Quốc Gia HN	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	10/12/2024	8.80				8.20			17.00
24	Hà Quang	Thắng	Nam	20/11/2002	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2024	Giỏi	x		Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	22/07/2024		9.80		Cơ sở toán học cho tin học		8.60		18.40
25	Trần Đình	Thắng	Nam	12/12/2003	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2025	Giỏi	x		Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	07/10/2025	9.00					8.50		17.50
26	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/02/2001	Học viện CNBCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		8.40			9.70			18.10
27	Phạm Anh	Tuấn	Nam	24/02/2001	Đại học Công nghệ Đông Á	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ-ĐHTN ngày 04/12/2025	8.80				9.50			18.30
28	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	11/07/2003	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Chương trình ĐH dạy bằng Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	2025		9.10				9.00		18.10

Điểm tổng cộng: 28, đạt mức

Danh sách gồm: 28 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 4582/QĐ-HV ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện v trình độ qu lý
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp		BS kiến thức	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương	
1	Ngô Thuý	Dương	Nữ	28/07/1986	Học viện Tài chính	VLVH	Kế toán	2013	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ ĐHTN ngày 04/12/2025		7.00			7.60			14.60	
2	Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	07/10/2001	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Quản trị kinh doanh	2023	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	29/11/2025	8.20				8.70			16.90	
3	Trần Thu	Hằng	Nữ	21/11/1981	Đại học Bách Khoa Hà Nội	VLVH	Điện tử - Tin học	2007	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ ĐHTN ngày 04/12/2025		8.00			7.70			15.70	TP.Kinh doanh, CNTT.HH thương mại và dịch vụ Ngoại B An
4	Trần Thị Thuý	Hiền	Nữ	20/11/2002	Đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội	CQ	Quản trị kinh doanh	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ ĐHTN ngày 04/12/2025		9.30			7.10			16.40	
5	Lê Thị Ánh	Hoà	Nữ	19/12/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Quản trị kinh doanh	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2024		7.30				8.70		16.00	
6	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	01/08/1991	Đại học Hà Nội	CQ	Ngôn ngữ Pháp	2013	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	30/11/2025	7.70				7.60			15.30	
7	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/05/1989	Học viện Công nghệ BCVT	LTCQ	Điện tử viễn thông	2014	Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ ĐHTN ngày 04/12/2025	7.90				7.40			15.30	NV.kinh doanh, VNFT
8	Bùi Duy	Thái	Nam	24/08/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Quản trị kinh doanh	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	6.00				9.00			15.00	
9	Bùi Đức	Thắng	Nam	14/01/2001	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toán thông tin	2024	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	22/11/2025	7.70				7.20			14.90	Quản lý dự án
10	Hoàng Duy	Thắng	Nam	06/08/1995	Học viện Công nghệ BCVT	Từ xa	Quản trị kinh doanh	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 6690/QĐ ĐHTN ngày 04/12/2025	7.80					7.20		15.00	
11	Đinh Thị Thanh	Vân	Nữ	09/11/1983	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	VLVH	Tiếng Anh	2010	TB.Khá	x		Cử nhân tiếng Anh	Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Gia Hà Nội	19/04/2010	7.60				7.30			14.90	Phổ P. PTPM CNTT. Cổ phần SPD Miền Bắc

Danh sách gồm: 11 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-HV ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Lý thuyết truyền tin/Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật thông tin quang	
1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/02/2002	Trường Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	2025	Khá			Bậc 3	Trường Đại học Văn Lang	20/10/2025			9.20			9.30		18.50
2	Võ	Trọng	Nam	11/12/1996	Trường Đại học Giao thông vận tải	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	2019	Khá			Bậc 3	Trường Đại học Văn Lang	20/10/2025			8.80			7.30		16.10

Đánh giá các môn: 02/44/2024

Danh sách gồm: 02 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



Handwritten signature

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 3 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA NAM
(Kèm theo Quyết định số 438/QĐ-HV ngày 03 tháng 04 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2025)

BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC											ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN		
TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm		Môn khác tương đương	
1	Lăng Tuấn	Anh	Nam	30/04/1989	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2012	Khá			Bậc 3	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	12/11/2025		10.00						8.00		18.00
2	Đông Quang	Cường	Nam	07/11/1999	Trường Đại học Cần Thơ	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá			Bậc 4	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	17/11/2025	8.30					6.50				14.80
3	Nguyễn Trí	Định	Nam	07/09/1996	Trường Đại học Công nghệ TP.HCM	CQ	Công nghệ thông tin	2018	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	09/11/2025	9.25					9.25				18.50
4	Lê Công	Hiền	Nam	02/07/2000	Trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2023	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	22/11/2025	7.80					6.80				14.60
5	Hồ Thị Hồng	Nga	Nữ	17/10/1973	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM	CQ	Công nghệ thông tin	2003	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	09/11/2025		7.00					10.00			17.00
6	Đoàn Lê Minh	Như	Nữ	19/10/1997	Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM	CQ	Sư phạm tin học	2019	Khá	x		Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Trà Vinh	08/10/2025	7.00					8.30				15.30
7	Lương Văn	Sang	Nam	15/04/2000	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 3	Trường Đại học Văn Lang	20/10/2025	8.20						9.20			17.40
8	Phu Dự	Thắng	Nam	30/05/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		8.30					10.00			18.30
9	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	20/11/2002	Học viện Công Nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025		7.40				9.80				17.20
10	Nguyễn Đình	Vinh	Nam	27/02/2003	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình khá			6.0 IELTS	IDP Việt Nam	03/12/2025		7.50						6.10		13.60

Danh sách gồm: 10 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh

